

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền
Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 385/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Trương Thị Mỹ H, anh Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2019, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ H trình bày:

Chị Trương Thị Mỹ H và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do UBND xã Th cấp ngày 23/6/2015. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến một vài năm gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chời bời, bài bạc, không tu trí làm ăn. Từ tháng 12/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm, đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Trương Thị Mỹ H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã Th cấp năm 2015. Sau khi cưới,

vợ chồng chung sống hạnh phúc, do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng có va chạm và chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ gần một năm nay. Anh T đã nhiều lần trò chuyện để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái, nhưng chị H không đồng ý. Nếu chị H dứt khoát ly hôn, anh cũng đồng ý vì biết tình cảm không thể níu kéo được.

Về con chung: Chị H, anh T xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/11/2015 và cháu Bùi Nam A, sinh ngày 22/10/2017. Hiện cháu Bùi Thanh Th đang sống cùng ông bà nội và anh T, cháu Bùi Nam A đang sống cùng chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H xin được trực tiếp nuôi cả hai con. Tại phiên tòa, chị H nhận thấy cháu Th đang ở với anh T rất tốt nên xin nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th cho anh T, còn chị xin được trực tiếp nuôi cháu Nam A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

Anh T xin được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2020: Chị Trương Thị Mỹ H và anh Bùi Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Th ngày 23/6/2015. Giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã mang theo cháu nhỏ bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã P sinh sống từ tháng 12/2018, đến nay, thi thoảng có qua lại nhà anh T để thăm và đưa đón cháu Th về ở cùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Trương Thị Mỹ H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Bùi Thanh Th cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Nam A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu nên đề nghị miễn xét

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn - chị Trương Thị Mỹ H không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Trương Thị Mỹ H làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh T có địa chỉ tại xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. *Về hôn nhân:* Anh Bùi Văn T và Chị Trương Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã Th năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hai anh chị đưa ra là khác nhau, nhưng cả hai đều khẳng định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận cho chị Trương Thị Mỹ H được ly hôn anh Bùi Văn T.

[2.2]. *Về con chung:* Chị H và anh T có hai con chung là cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/11/2015 và cháu Bùi Nam A, sinh ngày 22/10/2017. Hiện cháu Bùi Thanh Th đang sống cùng ông bà nội và anh T, cháu Bùi Nam A đang sống cùng chị H. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam A; Anh T xin được trực tiếp nuôi cả hai con. HĐXX nhận định: Thời gian anh chị sống ly thân, cháu Th ở cùng anh T, cháu Nam A ở cùng chị H, cuộc sống các cháu đều ổn định. Cháu Nam A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, việc giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nam A là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế, tâm sinh lý và quyền lợi của các cháu cũng như khả năng kinh tế của các anh chị. Vì anh T, chị H mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

[2.3]. *Về tài sản và công nợ:* Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí:* Nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trương Thị Mỹ H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/11/2015 cho anh Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Bùi Nam A, sinh ngày 22/10/2017 cho chị Trương Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: **AA/2019/0009677** ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã P;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân